

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **39** /2016/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường  
đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;  
Căn cứ pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;  
Căn cứ Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;  
Căn cứ Thông tư số 66/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ;  
Xét Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 07/BC-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, nội dung cụ thể như sau:

**1. Đối tượng nộp phí**

Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**2. Đối tượng không thu phí**

Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng



các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó; trường hợp đất, đá khai thác để san lấp, xây dựng công trình an ninh, quân sự; phòng chống thiên tai, khắc phục, giảm nhẹ thiên tai thì không phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản đó.

### 3. Mức thu phí

a) Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản không kim loại:

- Đá ốp lát, đá làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa, bazan): Mức thu là 70.000 đồng/m<sup>3</sup>.

- Đá làm vật liệu xây dựng thông thường: Mức thu là 5.000 đồng/m<sup>3</sup>.

- Đá vôi, đá sét làm xi măng và các loại đá làm phụ gia xi măng (laterit, puzolan...); khoáng chất công nghiệp (barit, flourit, bentonit và các loại khoáng chất khác): Mức thu là 3.000 đồng/tấn.

- Cát vàng: Mức thu là 5.000 đồng/m<sup>3</sup>.

- Cát trắng: Mức thu là 7.000 đồng/m<sup>3</sup>.

- Các loại cát khác: Mức thu là 4.000 đồng/m<sup>3</sup>.

- Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình: Mức thu là 2.000 đồng/m<sup>3</sup>.

- Đất sét làm gạch, ngói: Mức thu là 2.000 đồng/m<sup>3</sup>.

- Than các loại: Mức thu là 10.000 đồng/tấn.

b) Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản không kim loại tận thu bằng 60% mức thu phí của loại khoáng sản không kim loại tương ứng quy định tại điểm a, khoản 3 nghị quyết này.

### 4. Cơ quan thu phí

Giao cơ quan thuế (nơi quản lý thu thuế tài nguyên) trực tiếp quản lý thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

### 5. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

a) Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản nói trên là khoản thu nộp ngân sách tỉnh 100%.

b) Tổ chức, cơ quan hoặc đơn vị được ủy quyền thu phí phải niêm yết và công khai mức thu áp dụng thống nhất tại quầy thu ngân, nơi trực tiếp thu phí.

**6. Các nội dung còn lại thực hiện theo Thông tư số 66/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Bộ Tài chính.**

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 46/2012/NQ-HĐND ngày 11 tháng 01 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa IX, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 22 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 8 năm 2016. *Kieu*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: QH, CP, CTN;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện ;
- UBND cấp huyện;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lãnh đạo VP, các phòng và chuyên viên;
- Lưu: VT, laluc.

**CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Đặng Tuyết Em**